

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2026
V/v ly hôn Anh – Luân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thuý Phụng.

Bà Trần Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST - HNGĐ ngày 20/10/2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết A, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 28T, Nguyễn Thị Đ, xã P, thành phố Hồ Chí Minh.

CCCD số 082194009421 ngày cấp 15/06/2024

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1990.

Trú tại: ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

CCCD số 089090011060.

(bà Tuyết A xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/09/2025 nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết A trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà A và ông L được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2015, ngày 15 tháng 06 năm 2015(nay là Ủy ban nhân dân xã P). Sau khi kết hôn, vợ chồng lên Thành Phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, không tìm được tiếng nói chung, ông L lại có lối sống không chung thủy, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, tính tình mỗi người dần khác biệt, không thể hoà hợp, bất đồng quan điểm ngày càng nhiều. bà Tuyết A bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân ông L và gia đình hai bên cũng không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh L.

Con chung: ông L, bà Tuyết A có một con chung tên Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 21/07/2020, con chung đang sống chung với ông L, khi ly hôn bà Tuyết A đồng ý giao con chung cho ông L nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có;

Nợ chung: Không có. Ngày 20/10/2025 bà Lê Thị Tuyết A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Minh L vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: bà Lê Kim L1(mẹ đẻ ông L) cho biết bà là mẹ đẻ của L, Tuyết A là con dâu, sau khi kết hôn hai con sinh sống tại Thành Phố Hồ Chí Minh để tìm việc làm, quá trình chung sống thì hai con xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì không rõ nhưng có biết việc hai con đã không chung sống khoản hai năm nay, việc Tuyết A yêu cầu ly hôn tại Tòa thì bà có cho L hay nhưng bận công việc không về được, L đồng ý ly hôn với Tuyết A, Tuyết A và L có một con chung là con gái và sống cùng bà L1 tại ấp H, xã P, tỉnh An Giang.

Đại diện ban ấp H, xã P cho biết ông Nguyễn Minh L sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã P, tỉnh An Giang, tuy nhiên hiện nay ông L không có mặt tại địa phương đi làm xa, tình thoảng mới về, về tình trạng giữa bà Tuyết A và ông L như thế nào thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Tuyết A đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy

định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Minh L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông L vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết A đối với ông Nguyễn Minh L. Khi ly hôn bà Tuyết A đồng ý giao con chung cho ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 21/07/2020. Ông L vắng mặt, không ý kiến về con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: bà Lê Thị Tuyết A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Tuyết A yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông L nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 12 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Tuyết A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: bà Tuyết A và ông L tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2015 và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã P(nay là xã P) ngày 15/06/2015 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông L, bà A chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi xảy ra cự cãi không tìm cách hoà giải mà lại bỏ nhà đi từ 2023 đến nay, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại, điện thoại hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà A xin ly hôn với ông L.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Thế nhưng vợ chồng ông L, bà Tuyết A không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Lê Thị Tuyết A được ly hôn ông Nguyễn Minh L.

[2.2] Về con chung: Bà A, ông L có 01 con chung tên Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 21/07/2020. Con chung đang sống chung ông L, khi ly hôn bà A đồng ý giao con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, ông L vắng mặt không ý kiến về con chung và yêu cầu cấp dưỡng, vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] bà Tuyết A trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Tuyết A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ1 a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết A.

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tuyết A được ly hôn ông Nguyễn Minh L.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thùy An N, sinh ngày 21/07/2020 cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung đang sống chung ông L, bà Tuyết A không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Lê Thị Tuyết A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005056 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Tuyết A không phải nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Minh L không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông L, bà Tuyết A vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- UBND xã Phú Hưng(nay là xã Phú Tân);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

